

**DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC HỆ VLVH TỐT NGHIỆP THÁNG 11/2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-HVTC ngày 06/11/2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

| STT | Mã SV            | Lớp        | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Xếp hạng tốt nghiệp | Ngành                 |
|-----|------------------|------------|------------------------|-----------|------------|-------------|---------------------|-----------------------|
| 1   | 20L3403010027    | LT25/21.02 | Trần Cao Hồng Nhung    | Nữ        | 28/12/1998 | Hà Nội      | Khá                 | Kế toán               |
| 2   | 23LT73403010004  | LT26/21.01 | Nguyễn Thị Thu Hà      | Nữ        | 11/10/2001 | Hà Nội      | Khá                 | Kế toán               |
| 3   | 23LT73403010005  | LT26/21.01 | Trần Khánh Hằng        | Nữ        | 05/06/1994 | Phú Thọ     | Khá                 | Kế toán               |
| 4   | 23LT734030100015 | LT26/21.01 | Nguyễn Tuấn Minh       | Nam       | 18/11/2002 | Nghệ An     | Khá                 | Kế toán               |
| 5   | 23LT734030100020 | LT26/21.01 | Nguyễn Thị Bích Phương | Nữ        | 16/01/2003 | Hà Nội      | Khá                 | Kế toán               |
| 6   | 23LT734030100027 | LT26/21.01 | Nông Thị Thảo Uyên     | Nữ        | 21/05/2002 | Cao Bằng    | Khá                 | Kế toán               |
| 7   | 23LT73403010033  | LT26/21.02 | Nguyễn Văn An          | Nam       | 19/04/1986 | Hà Nam      | Khá                 | Kế toán               |
| 8   | 23LT73403010035  | LT26/21.02 | Trương Vũ Thảo Chi     | Nữ        | 29/12/2003 | Hà Nội      | Khá                 | Kế toán               |
| 9   | 23LT73403010037  | LT26/21.02 | Kiều Văn Duy           | Nam       | 05/06/1992 | Hà Nội      | Giỏi                | Kế toán               |
| 10  | 23LT73403010038  | LT26/21.02 | Phạm Song Hà           | Nữ        | 04/08/2002 | Hà Nội      | Khá                 | Kế toán               |
| 11  | 23LT73403010039  | LT26/21.02 | Bùi Lan Hương          | Nữ        | 15/01/2003 | Hà Nội      | Khá                 | Kế toán               |
| 12  | 23LT73403010040  | LT26/21.02 | Ngô Thu Hương          | Nữ        | 09/01/2002 | Hà Nội      | Khá                 | Kế toán               |
| 13  | 23LT73403010042  | LT26/21.02 | Nguyễn Thị Ngọc Nghĩa  | Nữ        | 06/12/1990 | Phú Thọ     | Giỏi                | Kế toán               |
| 14  | 23LT73403010044  | LT26/21.02 | Nguyễn Thị Thịnh       | Nữ        | 16/10/1991 | Hà Nội      | Khá                 | Kế toán               |
| 15  | 23LT73403010045  | LT26/21.02 | Trịnh Anh Thư          | Nữ        | 14/12/2003 | Hà Nội      | Trung bình          | Kế toán               |
| 16  | 23LT73403010048  | LT26/21.02 | Nguyễn Thị Huyền Trang | Nữ        | 25/05/2001 | Yên Bái     | Giỏi                | Kế toán               |
| 17  | 23LT73403010049  | LT26/21.02 | Hoàng Lệ Xuân          | Nữ        | 27/05/2002 | Hà Nội      | Khá                 | Kế toán               |
| 18  | 20BT73403010017  | BT20.21.01 | Hoàng Thị Hué          | Nữ        | 28/12/1997 | Bắc Ninh    | Khá                 | Kế toán               |
| 19  | 22BT73402010011  | BT22/11.01 | Vũ Thị Lâm Oanh        | Nữ        | 11/07/1998 | Thái Nguyên | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 20  | 22BT73402010013  | BT22/11.02 | Nguyễn Thị Thu Hằng    | Nữ        | 21/07/1986 | Sơn La      | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 21  | 23BT73402010003  | BT23/11.01 | Nguyễn Mỹ An           | Nữ        | 30/12/2001 | Hà Nội      | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 22  | 23BT73402010004  | BT23/11.01 | Nguyễn Quang Anh       | Nam       | 20/01/1998 | Hà Nam      | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 23  | 23BT73402010005  | BT23/11.01 | Nguyễn Quốc Cường      | Nam       | 12/03/1999 | Hà Nội      | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 24  | 23BT73402010006  | BT23/11.01 | Nguyễn Thu Hiền        | Nữ        | 11/08/2000 | Thanh Hóa   | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 25  | 23BT73402010007  | BT23/11.01 | Nguyễn Trung Hiếu      | Nam       | 14/12/1996 | Hà Nội      | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 26  | 23BT73402010008  | BT23/11.01 | Trần Đình Hùng         | Nam       | 16/05/1993 | Hà Nội      | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |

| STT | Mã SV            | Lớp        | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Xếp hạng tốt nghiệp | Ngành                 |
|-----|------------------|------------|-----------------------|-----------|------------|------------|---------------------|-----------------------|
| 27  | 23BT73402010009  | BT23/11.01 | Phan Đình Hưng        | Nam       | 13/09/1999 | Hà Nội     | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 28  | 23BT734020100010 | BT23/11.01 | Trần Thị Huyền        | Nữ        | 31/10/1997 | Hà Giang   | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 29  | 23BT734020100011 | BT23/11.01 | Đào Nhật Linh         | Nữ        | 26/11/2001 | Yên Bái    | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 30  | 23BT734020100023 | BT23/11.01 | Nguyễn Thị Khánh Linh | Nữ        | 10/02/1998 | Hà Tây     | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 31  | 23BT734020100012 | BT23/11.01 | Trần Quỳnh My         | Nữ        | 18/09/2001 | Yên Bái    | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 32  | 23BT734020100013 | BT23/11.01 | Phạm Kim Ngọc         | Nam       | 14/10/1995 | Phú Thọ    | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 33  | 23BT734020100014 | BT23/11.01 | Quách Vũ Quang Ngọc   | Nam       | 19/03/1993 | Hà Nội     | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 34  | 23BT73402010002  | BT23/11.01 | Nguyễn Thủy Nguyên    | Nam       | 28/01/1997 | Phú Thọ    | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 35  | 23BT734020100015 | BT23/11.01 | Đình Hải Ninh         | Nam       | 16/11/1990 | Hà Nội     | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 36  | 23BT734020100016 | BT23/11.01 | Bùi Đại Sự            | Nam       | 04/09/1993 | Quảng Ninh | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 37  | 23BT734020100017 | BT23/11.01 | Phạm Đình Tài         | Nam       | 27/06/1998 | Nghệ An    | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 38  | 23BT734020100018 | BT23/11.01 | Đình Kông Thành       | Nam       | 23/02/2001 | Hà Nội     | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 39  | 23BT734020100020 | BT23/11.01 | Đỗ Thị Thu Trang      | Nữ        | 07/07/2001 | Hà Nội     | Giỏi                | Tài chính - Ngân hàng |
| 40  | 23BT734020100022 | BT23/11.01 | Đỗ Quang Vinh         | Nam       | 24/04/1997 | Hà Nội     | Khá                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 41  | 23BT73403010007  | BT23/21.01 | Trần Thị Vân Anh      | Nữ        | 06/10/1996 | Nam Định   | Giỏi                | Kế toán               |
| 42  | 23BT73403010008  | BT23/21.01 | Nguyễn Đức Bình       | Nữ        | 19/05/1997 | Thanh Hóa  | Giỏi                | Kế toán               |
| 43  | 23BT734030100010 | BT23/21.01 | Nguyễn Việt Hà        | Nam       | 22/10/2000 | Yên Bái    | Giỏi                | Kế toán               |
| 44  | 23BT734030100011 | BT23/21.01 | Trương Thị Hậu        | Nữ        | 25/07/1997 | Thái Bình  | Giỏi                | Kế toán               |
| 45  | 23BT73403010001  | BT23/21.01 | Quách Lan Hương       | Nữ        | 07/12/1986 | Thái Bình  | Xuất sắc            | Kế toán               |
| 46  | 23BT734030100020 | BT23/21.01 | Nguyễn Thị Thùy Linh  | Nữ        | 03/12/1997 | Hà Nội     | Xuất sắc            | Kế toán               |
| 47  | 23BT734030100013 | BT23/21.01 | Nguyễn Thị Thùy Linh  | Nữ        | 05/10/2000 | Thái Bình  | Giỏi                | Kế toán               |
| 48  | 23BT734030100014 | BT23/21.01 | Nguyễn Thảo Mai       | Nữ        | 14/11/2000 | Sơn La     | Giỏi                | Kế toán               |
| 49  | 23BT734030100023 | BT23/21.01 | Trần Thị Thanh Mai    | Nữ        | 14/01/2001 | Hà Nội     | Khá                 | Kế toán               |
| 50  | 23BT734030100015 | BT23/21.01 | Nguyễn Tuấn Minh      | Nam       | 16/07/1996 | Hà Nội     | Khá                 | Kế toán               |
| 51  | 23BT73403010002  | BT23/21.01 | Nguyễn Thị Thắm       | Nữ        | 03/05/1998 | Hải Dương  | Giỏi                | Kế toán               |
| 52  | 23BT734030100017 | BT23/21.01 | Nguyễn Tiến Thành     | Nam       | 07/10/1996 | Sơn La     | Khá                 | Kế toán               |
| 53  | 23BT73403010004  | BT23/21.01 | Nguyễn Vân Thảo       | Nữ        | 13/01/1997 | Hà Nội     | Khá                 | Kế toán               |
| 54  | 23BT734030100022 | BT23/21.01 | Phạm Thị Thảo         | Nữ        | 12/09/2001 | Hung Yên   | Giỏi                | Kế toán               |
| 55  | 23BT73403010005  | BT23/21.01 | Hoàng Thị Thương      | Nữ        | 30/05/1991 | Lạng Sơn   | Giỏi                | Kế toán               |

| <b>STT</b> | <b>Mã SV</b>     | <b>Lớp</b> | <b>Họ và tên</b>     | <b>Giới tính</b> | <b>Ngày sinh</b> | <b>Nơi sinh</b> | <b>Xếp hạng tốt nghiệp</b> | <b>Ngành</b>          |
|------------|------------------|------------|----------------------|------------------|------------------|-----------------|----------------------------|-----------------------|
| 56         | 23BT73403010006  | BT23/21.01 | Vũ Minh Trang        | Nữ               | 17/10/2000       | Hà Nội          | Khá                        | Kế toán               |
| 57         | 23BT734030100019 | BT23/21.01 | Nguyễn Thành Trung   | Nam              | 22/07/1994       | Hà Nội          | Khá                        | Kế toán               |
| 58         | 21TC734020100100 | TC52/11.02 | Nguyễn Thị Là        | Nữ               | 07/02/1998       | Thái Bình       | Trung bình                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 59         | 21TC73402010099  | TC52/11.02 | Lê Thị Ngọc          | Nữ               | 16/01/1998       | Thanh Hóa       | Trung bình                 | Tài chính - Ngân hàng |
| 60         | 21TC73402010084  | TC52/11.02 | Lưu Minh Vũ          | Nam              | 30/04/2003       | Hà Nam          | Khá                        | Tài chính - Ngân hàng |
| 61         | 21TC73403010069  | TC52/21.02 | Nguyễn Thị Thu Hương | Nữ               | 06/10/2003       | Phú Thọ         | Khá                        | Kế toán               |
| 62         | 21TC73403010027  | TC52/21.02 | Bùi Thị Khánh Huyền  | Nữ               | 25/01/2003       | Hòa Bình        | Khá                        | Kế toán               |
| 63         | 21TC73403010043  | TC52/21.02 | Nguyễn Trà My        | Nữ               | 17/11/2003       | Hà Nội          | Khá                        | Kế toán               |